

TỪ QUAN ĐIỂM “LẤY DÂN LÀM GỐC” ĐẾN “BÀI HỌC VỀ DÂN” TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

TRẦN THỊ LAN HƯƠNG *

Ngày nhận bài: 5/5/2022

Nhận kết quả phản biện: 27/6/2022

Duyệt đăng: 22/7/2022

Tóm tắt: Quan điểm “Lấy dân làm gốc” là một trong những bài học quan trọng, góp phần làm nên những thành tựu to lớn, xuyên suốt chiều dài lịch sử, nhằm phát huy vai trò làm chủ, sức sáng tạo và nguồn lực của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đảng Cộng sản Việt Nam đã kế thừa và vận dụng thành công quan điểm này. Từ khi được thành lập cho đến nay, Đảng luôn xác định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Bài viết tìm hiểu quan điểm “lấy dân làm gốc” của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng sáng tạo của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII.

Từ khóa: Đại hội XIII của Đảng; Tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm “lấy dân làm gốc”.

Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, quan điểm “lấy dân làm gốc” đã sớm được vận dụng và có cơ sở phát huy bởi thực tiễn dựng nước, giữ nước của dân tộc. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn vì lợi ích của nhân dân, coi hạnh phúc của nhân dân là mục tiêu cao nhất, cuối cùng của cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc, Đảng đã vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể Việt Nam để khai thác, phát huy có hiệu quả cao nhất sức mạnh tổng hợp của nhân dân, của dân tộc. Sức mạnh nội sinh ấy ngày càng lớn mạnh, nó đã và đang đưa dân tộc ta đến với những tầm cao mới của sự phát triển. Trong Văn kiện Đại hội XIII quan điểm “lấy dân làm gốc” của Đảng một lần nữa được đặc biệt nhấn mạnh.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quần chúng nhân dân

Bàn về vai trò của quần chúng nhân dân, trong tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, C.Mác đã chỉ rõ:

“Chủ quyền của nhân dân không phải là cái phát sinh từ chủ quyền của nhà vua, mà ngược lại, chủ quyền của nhà vua dựa trên chủ quyền của nhân dân”[1;347] Bổ sung, phát triển, hoàn thiện tư tưởng của C.Mác - Ph. Ăngghen và vận dụng tư tưởng ấy vào hiện thực cách mạng, V.I.Lênin cũng khẳng định: “Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiền phong của mình, tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”[11;251]. Do vậy, theo Lênin, Đảng Cộng sản nói chung và từng đảng viên nói riêng phải “Sống trong lòng quần chúng/Biết tâm trạng quần chúng/Biết tất cả/Hiểu quần chúng/Biết đến với quần chúng/Giành được lòng tin tuyệt đối của quần chúng”[11;408].

Có thể thấy rằng, nội hàm và ngoại diên khái niệm quần chúng nhân dân không mang tính cố định mà nó là phạm trù lịch sử, thay đổi tùy thuộc vào điều kiện lịch sử, xã hội cụ thể của quốc gia, khu vực. Song về cơ bản, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, quần chúng nhân dân bao giờ cũng gồm: những người lao động sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần; lực lượng chống lại thế lực áp bức, bóc lột; lực lượng trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần vào sự biến đổi của xã hội...

* Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.

trong đó, lực lượng sản xuất xã hội là cơ bản, nòng cốt, chủ chốt và chủ yếu. Chính cách khoanh vùng, định vị nội hàm và ngoại diên mở của phạm trù “quần chúng nhân dân” đã cho thấy tính khoa học, nhân văn, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định mọi sự vận động, biến đổi của xã hội đều do hoạt động của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của tổ chức, tập thể, cá nhân nhằm đạt tới những mục tiêu nhất định. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ vai trò của quần chúng nhân dân với tư cách là lực lượng, động lực, mục đích của chính cuộc cách mạng, cuộc đấu tranh để đạt tới sự giải phóng con người theo đúng nghĩa.

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Người nhận thấy rằng sức mạnh nhân dân của ta không chỉ là sức mạnh của số đông mà là sức mạnh của cả dân tộc và sức mạnh ấy được bồi đắp không ngừng bởi lòng yêu nước. Người viết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”[9;38]. Kế thừa và nhất quán với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”[8;335] Sau cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh kết luận: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế

giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”[10;453]

Hiểu sâu sắc tính chất riêng có của Việt Nam so với cách mạng thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt niềm tin sâu sắc vào sức mạnh vô địch của nhân dân. Sau tất cả, hạnh phúc của nhân dân luôn là mục tiêu cao nhất, Người chủ trương: “Cách làm là: dựa vào: Lực lượng của dân, Tinh thần của dân, để gây: Hạnh phúc cho dân”[8;556]. Chủ trương này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã và đang tiếp tục được quán triệt, được triển khai một cách có lộ trình, hiệu quả, thống nhất trong từng giai đoạn cách mạng của nước ta.

2. Quan điểm nhất quán, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam về “lấy dân làm gốc”

Thứ nhất, nhận thức của Đảng về vị trí, vai trò của quần chúng nhân dân có tính thống nhất, toàn diện, phát triển và sâu sắc hơn qua từng kì đại hội

Lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động và quán triệt quan điểm lấy dân làm gốc, trong quá trình lãnh đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân, xem lợi ích chung của nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới. Đây là một trong những nội dung có tính thống nhất, xuyên suốt các kì đại hội Đảng. Dấu mốc đầu tiên, điểm nút có tính bước ngoặt của thời kì mới trong lịch sử dân tộc chính là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Sau 10 năm thống nhất đất nước, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, vượt qua nhiều khó khăn, đối mặt với nhiều thách thức, Đại hội VI đã rút ra bốn bài học kinh nghiệm thì trong đó bài học đầu tiên là: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”,

xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động” [3;362]. Đại hội VI có thể coi là một bước nhảy vọt về chất khi cõi được nút thắt, tìm ra nguyên nhân căn bản và thẳng thắn thừa nhận sai lầm về: chỉ đạo chiến lược, tổ chức thực hiện, công tác tư tưởng và công tác cán bộ của Đảng [3;548]. Đại hội VI đã khẳng định: “Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của nhân dân là làm suy yếu sức mạnh của Đảng” [3;363]

Bài học về sức mạnh của nhân dân tiếp tục được khẳng định ở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*: “Sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Chính Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của Nhân dân” [2;5]. Đại hội VII tiếp tục nhìn nhận chặng đường năm năm đổi mới xây dựng đất nước và khẳng định: “Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời Nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước” [2;5]. Do đó Đảng chủ trương: Phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị [4;82].

Có thể thấy rằng, qua các kì đại hội, từ Đại hội VI đến Đại hội X, quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của quần chúng nhân dân đều

cho thấy tính thống nhất, toàn diện, phát triển. Tiếp nối và thống nhất với các kì đại hội trước, Đại hội X, XI tiếp tục nhấn mạnh việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh với vai trò là khâu then chốt, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu cần thiết của xã hội; Nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người. Tại Đại hội XII, Đảng đã quán triệt sâu sắc bài học kinh nghiệm: “Đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm lấy “dân làm gốc”, vì lợi ích của Nhân dân, dựa vào Nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của Nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân” [6;69].

Dựa trên lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng vào điều kiện cụ thể trong công cuộc đổi mới, xây dựng và đẩy nhanh tiến trình hội nhập của đất nước, nhận thức của Đảng về vị trí, vai trò của quần chúng nhân dân ngày càng sâu sắc hơn qua từng kì đại hội. Tin vào dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều lấy độc lập dân tộc, hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu, lấy việc thực thi, mở rộng quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa làm thước đo, làm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ từng giai đoạn phát triển đất nước. Đây có thể xem là điểm xuất phát đúng đắn, sức mạnh nội sinh, động lực đưa đến mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, Đảng luôn đề ra mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện mở rộng quyền dân chủ nhân dân ngày một cao hơn

Thực tế là, ngay từ đầu, đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được Đảng ta xác định là: tất cả mọi quyền lực đều

thuộc về nhân dân. Do đó, một cách tất yếu, việc thực hiện, mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trở thành nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Theo một cách hiểu khác, thực thi dân chủ, mở rộng dân chủ không chỉ là thước đo sự phát triển, sự văn minh ở từng giai đoạn lịch sử mà đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, có thể xem đó như vấn đề mang tính sống còn của chế độ.

Phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được Đảng ta chính thức đề ra và trở thành một chủ trương lớn, một phương châm hành động cụ thể từ Đại hội V. Đến Đại hội VI, bước ngoặt quan trọng đánh dấu chặng đường đổi mới của đất nước, Đảng đã khẳng định: tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng để phát huy dân chủ đúng hướng và đạt kết quả thì quá trình đó phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp với tình hình chính trị, xã hội nói chung. Sau này, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) đã nêu rõ: Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật [4; 146]. Tuy nhiên, phải đến Đại hội lần thứ VIII, Đảng Cộng sản Việt Nam mới chính thức đề ra cơ chế một cách cụ thể để thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra”. Với việc ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW “Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở”, đánh dấu sự phát triển mới với việc quyền dân chủ của nhân dân được triển khai, thực thi trong thực tế. Người dân từng bước thực hiện quyền “sau bầu cử” đối với các đại biểu dân cử làm đại diện và cơ quan nhà nước mà dân lập nên.

Đại hội IX của Đảng đã khẳng định: Những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn trong đó có bài học đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Đại hội IX đã ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW về “Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở”. Đại hội XII xác định bản chất “Nhân dân làm chủ”, “Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân”. Đảng nhấn mạnh việc cần thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát huy vai trò của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn của đất nước; bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân [6; 159]. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ cơ sở; thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” [6; 39]

Có thể khẳng định rằng, qua các kỳ đại hội, sự phát triển tư duy lý luận về dân chủ, xác định khâu cơ bản quan trọng, hoàn thiện chủ trương, xây dựng quy chế, đẩy mạnh việc thực hiện phương châm căn bản “lấy dân làm gốc” theo hệ chuẩn “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”... đã cho thấy sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể của đất nước, từng bước một vai trò chủ thể của nhân dân, quyền làm chủ của nhân dân đã được hiện thực hóa và phát huy một cách rộng rãi, hiệu quả.

3. Sự phát triển, hoàn thiện “Bài học về dân” trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

Tại Đại hội XIII, trên cơ sở tổng kết những thành tựu, những hạn chế sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Đảng đã rút ra năm bài học kinh nghiệm trong đó bài học thứ hai là: Trong mọi công việc của Đảng

phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”... lấy hạnh phúc ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa [7;96]

“Dân biết” là nhân dân hiểu và nắm rõ được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đây được hiểu là quyền và cũng là nghĩa vụ của người dân. Các cơ quan, tổ chức, chính quyền... phải công khai, minh bạch thông tin trừ các thông tin bí mật quốc gia. Quyền được biết của người dân chính là xuất phát điểm, là tiền đề để người dân thực hiện quyền được nói - “dân bàn” vì có hiểu biết, có nắm được thông tin mới có thể bàn bạc, góp ý kiến. “Dân bàn” là nhân dân được quyền tham gia thảo luận, bàn bạc, ý kiến, góp ý với Đảng và Nhà nước góp phần để việc xây dựng, hoạch định, thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật được thực hiện một cách chính xác, phù hợp, hiệu quả. Việc dân được bàn ở những nội dung nào và cách thức ra sao có quy định cụ thể, rõ ràng. Quyền được hỏi để được biết và được bàn nhưng không được dân chủ quá trớn, không được “lạm bàn” cũng như được tự do ngôn luận song không phải người dân muốn nói gì, ý kiến gì và bàn gì cũng được mà phải theo quy định, đúng tổ chức, đúng đối tượng và đúng hoàn cảnh. Các cơ quan, tổ chức, chính quyền, đoàn thể phải bố trí lực lượng trực tiếp để tiếp dân, lắng nghe ý kiến của người dân, tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân để động viên

người dân tham gia các công việc chung xây dựng đất nước. Theo logic này, tất yếu sẽ đến bước thứ ba - “dân làm”. “Dân làm” là nhân dân tiến hành thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, thực hiện vai trò chủ thể của mình, góp sức vào công cuộc phát triển chung của đơn vị, địa phương, đất nước.

“Dân kiểm tra” là việc nhân dân xem xét, đánh giá thực tế thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, nếu phát hiện những sai phạm thì phản ánh, báo cáo cho các cơ quan chức năng. “Dân giám sát” là nhân dân theo dõi, xem xét, đánh giá quá trình thực hiện, kết quả thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án, công việc thực hiện. Trên thực tế quyền kiểm tra và giám sát của người dân có những điểm tương đồng và khác biệt. Về cơ bản, quyền kiểm tra có tính chất thời điểm trong khi quyền giám sát nghiêng về tính quá trình. Việc bổ sung nội dung “dân giám sát” cho thấy tư duy phát triển của Đảng với việc trao thêm quyền cho nhân dân, xây dựng một lực lượng đông đảo theo dõi sự vận hành, hoạt động của các cơ quan, đoàn thể, cá nhân để kịp thời phát hiện sai phạm, phát huy thành tựu trên từng “bước nhảy” cũng như trong cả quá trình. Sau khi biết, bàn, kiểm tra, giám sát, với tư cách là chủ thể người dân thụ hưởng chính thành quả xã hội mà ở đó mình là thành viên đóng góp. “Dân thụ hưởng” là giá trị, thành quả nhân dân được nhận bao gồm giá trị vật chất, tinh thần có được sau quá trình triển khai các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật vào thực tiễn đời sống xã hội. Đây là quyền lợi chính đáng của người dân, chủ trương này đòi hỏi phải có sự chung tay, sự phối hợp, sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị. Để thể chế

hóa nội dung này, cần tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đấu tranh chống bệnh dân chủ hình thức, dân chủ cào bằng đồng thời mở rộng và đảm bảo tính thực chất của cơ chế dân chủ cơ sở.

Việc mở rộng, bổ sung thêm quyền giám sát và thụ hưởng của người dân, Đại hội XIII thực sự đặt dấu mốc cho một sự phát triển về chất đối với việc mở rộng quyền dân chủ của nhân dân. Trong tính biện chứng vốn có của mình, phương châm lấy dân làm gốc, “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đã cho thấy logic tất yếu của quá trình thực thi và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bốn dân không tách rời mà gắn bó chặt chẽ trong một con đường biện chứng. Bổ sung thêm “dân giám sát, dân thụ hưởng” cho thấy tính nhân văn của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đồng thời nhất quán với chủ trương: Tất cả vì nhân dân của Đảng và Nhà nước để ra. Mọi công việc, mọi vấn đề quan trọng người dân đều có quyền được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra, được giám sát và sau cùng, không phải ai khác, chính họ là người được thụ hưởng.

Kết luận

Tóm lại, để mục tiêu tối thượng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng tiệm cận gần hơn đến những giá trị đích thực của nó - tất cả vì nhân dân, trong thời gian tới, cần tiếp tục được triển khai một cách có hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” theo tinh thần Đại hội XIII. Muốn vậy, một mặt cần nghiên cứu, thể chế hóa nội dung “giám sát, thụ hưởng” mặt khác cần tiếp tục có sự thống nhất về nhận thức, hành động, cơ chế triển khai, phối hợp của tất cả các ban ngành, đoàn thể và người dân trong việc thực thi dân chủ trên cơ sở tính đến kế hoạch xây dựng hành lang pháp lý, khung tiêu chí đánh giá, hệ chuẩn cũng như chế tài để phát huy quyền làm chủ của nhân dân gắn với trách nhiệm. Sự đồng lòng, nhất trí cao của toàn Đảng, toàn dân, sự phối hợp thống nhất, nhịp nhàng của toàn hệ thống chính trị vì mục tiêu chung chính là điều kiện cần và đủ để Việt Nam tiếp tục thu hái những thành tựu mới trong tiến trình hội nhập, phát triển đất nước vì mục tiêu nâng cao chỉ số hạnh phúc của nhân dân.

Tài liệu tham khảo:

- [1] C.Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 47, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [8] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [9] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [10] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [11] V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 39, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.